

CÔNG TY TNHH OCEAN GOLD
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH OCEAN GOLD

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: OCEAN GOLD COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: OCEAN GOLD CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110101258

3. Ngày thành lập: 26/08/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 38, ngõ 2, đường Trần Văn Lai, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0911578686

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: + Thang máy, thang cuốn; + Cửa cuốn, cửa tự động; + Dây dẫn chống sét; + Hệ thống hút bụi; + Hệ thống âm thanh; + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đấu giá)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
9.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
10.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543

11.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
12.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
13.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
14.	Bán buôn thực phẩm	4632
15.	Bán buôn đồ uống	4633
16.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
17.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
18.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.	4649
19.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
20.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
23.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
24.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng)	4662
25.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim; vật liệu lắp đặt trong xây dựng	4663
26.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
27.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
28.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

29.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
30.	Giáo dục nhà trẻ	8511
31.	Giáo dục mẫu giáo	8512
32.	Giáo dục tiểu học	8521
33.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
34.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
35.	Đào tạo sơ cấp	8531
36.	Đào tạo trung cấp	8532
37.	Đào tạo cao đẳng	8533
38.	Đào tạo đại học	8541
39.	Đào tạo thạc sỹ	8542
40.	Đào tạo tiến sỹ	8543
41.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
42.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
43.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Trừ Dạy về tôn giáo; Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)	8559
44.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
45.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
46.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
47.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
48.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329

49.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: - Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm. - Tích hợp hệ thống, chạy thử, dịch vụ quản lý ứng dụng, cập nhật, bảo mật; - Thiết kế, lưu trữ, duy trì trang thông tin điện tử; - Bảo hành, bảo trì, bảo đảm an toàn mạng và thông tin; - Cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ, xử lý dữ liệu và khai thác cơ sở dữ liệu; - Phân phối sản phẩm công nghệ thông tin. - Dịch vụ quản trị, bảo hành, bảo trì hoạt động của phần mềm và hệ thống thông tin; - Dịch vụ tư vấn, đánh giá, thẩm định chất lượng phần mềm; - Dịch vụ tư vấn, xây dựng dự án phần mềm; - Dịch vụ tư vấn định giá phần mềm; - Dịch vụ chuyển giao công nghệ phần mềm; - Dịch vụ tích hợp hệ thống; - Dịch vụ bảo đảm an toàn, an ninh cho sản phẩm phần mềm, hệ thống thông tin; - Dịch vụ phân phối, cung ứng sản phẩm phần mềm. - Dịch vụ phân phối, phát hành sản phẩm nội dung thông tin số; - Dịch vụ nhập, cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ và xử lý dữ liệu số; - Dịch vụ quản trị, duy trì, bảo dưỡng, bảo hành các sản phẩm nội dung thông tin số; - Dịch vụ chỉnh sửa, bổ sung tính năng, bản địa hóa các sản phẩm nội dung thông tin số.	6209
50.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
51.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
52.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6399
53.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản - Quản lý vận hành nhà chung cư	6810
54.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản; - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản	6820

55.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát xây dựng; - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; - Kiểm định xây dựng; - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng - Dịch vụ tư vấn đấu thầu - Dịch vụ thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, quan trắc công trình xây dựng - Tư vấn lập quy hoạch xây dựng	7110
56.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
57.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
58.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
59.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Thiết kế website, thiết kế đồ họa - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giấy, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
60.	Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
61.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
62.	Bán buôn tổng hợp	4690
63.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
64.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ hoạt động đấu giá)	4719
65.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
66.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
67.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
68.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
69.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
70.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
71.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
72.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623

73.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
74.	In ấn	1811
75.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
76.	Sao chép bản ghi các loại	1820
77.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
78.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
79.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
80.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
81.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
82.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
83.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
84.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
85.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
86.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
87.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
88.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
89.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Trừ kinh doanh vàng miếng)	2420
90.	Đúc sắt, thép	2431
91.	Đúc kim loại màu (Trừ kinh doanh vàng miếng)	2432
92.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
93.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
94.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
95.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
96.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
97.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
98.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
99.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
100.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
101.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
102.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
103.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733

104.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
105.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
106.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
107.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
108.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
109.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
110.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
111.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
112.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
113.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
114.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
115.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
116.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
117.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
118.	Sản xuất máy luyện kim	2823
119.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
120.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
121.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
122.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
123.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4774
124.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
125.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
126.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
127.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932

128.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
129.	Vận tải đường ống	4940
130.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
131.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
132.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
133.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
134.	Bốc xếp hàng hóa	5224
135.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
136.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng không)	5229
137.	Bưu chính	5310
138.	Chuyển phát	5320
139.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Khách sạn - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510
140.	Cơ sở lưu trú khác	5590
141.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
142.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
143.	Dịch vụ ăn uống khác (Trừ hoạt động của phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar)	5629
144.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Trừ hoạt động của phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar)	5630
145.	Xuất bản phần mềm (Trừ xuất bản phẩm)	5820
146.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ hoạt động báo chí và phát hành chương trình truyền hình)	5911
147.	Hoạt động hậu kỳ	5912
148.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ hoạt động báo chí và phát hành chương trình truyền hình)	5913
149.	Hoạt động chiếu phim	5914
150.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc Chi tiết: Hoạt động ghi âm	5920
151.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
152.	Cho thuê băng, đĩa video	7722

153.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
154.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển; - Thiết bị phát thanh, truyền hình và thông tin liên lạc chuyên môn - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu	7730
155.	Đại lý du lịch	7911
156.	Điều hành tua du lịch	7912
157.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: - Cung cấp các dịch vụ đặt chỗ liên quan đến hoạt động du lịch: vận tải, khách sạn, nhà hàng, cho thuê xe, giải trí và thể thao; - Cung cấp dịch vụ chia sẻ thời gian nghỉ dưỡng; - Hoạt động bán vé cho các sự kiện sân khấu, thể thao và các sự kiện vui chơi, giải trí khác; - Cung cấp dịch vụ hỗ trợ khách du lịch: cung cấp thông tin du lịch cho khách, hoạt động hướng dẫn du lịch; - Hoạt động xúc tiến du lịch. - Kinh doanh lữ hành nội địa; kinh doanh lữ hành quốc tế	7990(Chính)
158.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
159.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
160.	Sản xuất nhạc cụ	3220
161.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
162.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
163.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
164.	Xây dựng nhà để ở	4101
165.	Xây dựng nhà không để ở	4102
166.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
167.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
168.	Xây dựng công trình điện	4221
169.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
170.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
171.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
172.	Xây dựng công trình thủy	4291
173.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
174.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293

175.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
176.	Phá dỡ (Trừ hoạt động dò mìn và các loại tương tự bao gồm cả việc cho nổ tại mặt bằng xây dựng)	4311
177.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động dò mìn và các loại tương tự bao gồm cả việc cho nổ tại mặt bằng xây dựng)	4312
178.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
179.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
180.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
181.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
182.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
183.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
184.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
185.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
186.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
187.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
188.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
189.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
190.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

